

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/02/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Khắc Dinh

Ông Bùi Thế Huệ

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Bá H, sinh năm 1990, vắng mặt.

Nơi cư trú: Số nhà A, ngõ B, tiểu khu N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1994, vắng mặt.

Nơi ĐKTT: Số nhà A, ngõ B, tiểu khu N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Nhật Bản (không rõ địa chỉ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2024, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Lê Bá H trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa ngày 10/5/2019 và có tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới vợ chồng chung sống

cùng bố mẹ anh H tại tiểu khu N, thị trấn C, huyện C. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn vợ chồng nên tháng 4/2024 chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ khi đi lao động tại Nhật Bản đến nay chị T chưa về thăm gia đình lần nào, vợ chồng sống ly thân không còn sự quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đặng Thị T

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Bá Phúc, sinh ngày 14/12/2019 và cháu Lê Bá Đức, sinh ngày 24/5/2022. Hiện hai cháu Phúc, Đức đang ở với anh H. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Phúc, Đức; Anh không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Anh H trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị Đặng Thị T tại Nhật Bản do từ khi chị T đi Nhật Bản thì vợ chồng không liên lạc nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh đề nghị Tòa án xác minh thông tin qua bố mẹ đẻ của chị T là ông Đặng Văn Tr và bà Lê Thị Y, địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Tại các biên bản làm việc, bà Lê Thị Y trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị Đặng Thị T. Anh Lê Bá H là con rể của bà. Anh H, chị T kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị T về ở cùng bố mẹ anh H tại tiểu khu N, thị trấn C. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thế nào thì ông bà không biết. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ cuối năm 2023 chị T chuyển về sinh sống cùng vợ chồng ông bà. Đến tháng 4/2024 thì chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ khi đi Nhật Bản đến nay chị T chưa về thăm gia đình lần nào. Vợ chồng bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị T qua điện thoại, nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở Nhật Bản, chỉ biết hiện nay chị T vẫn đang sống và làm việc tại Nhật Bản. Nay anh H làm đơn ly hôn chị Trang, gia đình bà và chị T cũng đã biết. Sau khi biết quan điểm của chị T cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T và anh H ly hôn. Vợ chồng anh H, chị T có hai con chung là cháu Lê Bá Phúc, sinh ngày 14/12/2019 và cháu Lê Bá Đức, sinh ngày 24/5/2022. Hiện hai cháu Phúc, Đức đang ở với anh H. Ly hôn anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung thì chị T cũng đồng ý với quan điểm của anh H. Về tài sản và công nợ chung của

anh H, chị T bà không biết. Bà đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị T được biết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của anh H, xử cho anh H được ly hôn chị Trang. Về con: Giao cháu Lê Bá Phúc, sinh ngày 14/12/2019 và cháu Lê Bá Đức, sinh ngày 24/5/2022 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Anh Lê Bá H là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là chị Đặng Thị T đăng ký thường trú tại huyện C, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống tại Nhật Bản. Do trong vụ án có bị đơn cư trú ở nước ngoài, căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Anh H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị T ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của chị T tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bà Lê Thị Y là mẹ đẻ của chị T trình bày không biết địa chỉ của chị T ở Nhật Bản. Theo bà Y thì thực tế hiện nay chị T đang ở Nhật Bản, chị T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể. Bà Yên đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho chị Trang. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lê Bá H có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn là chị Đặng Thị T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Anh Lê Bá H và chị Đặng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai, các tài liệu gửi đến Tòa án, anh H đều trình bày vợ chồng anh mâu thuẫn nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Từ cuối năm 2023 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống không còn sự quan tâm chăm sóc đến nhau; Đến tháng 4/2024 chị T đi lao động tại Nhật Bản và cũng từ thời gian đó chị T không về thăm gia đình và các con, anh chị không còn liên hệ với nhau; Anh H không có địa chỉ của chị T tại Nhật Bản nên không cung cấp cho Tòa án được. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh H được ly hôn chị T là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Bá Phúc sinh ngày 14/12/2019 và cháu Lê Bá Đức, sinh ngày 24/5/2022. Xét về nguyện vọng của anh H xin được trực tiếp nuôi con thấy rằng: Từ thời gian vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai con của anh chị đều ở với anh H và hiện nay chị T đang lao động tại Nhật Bản tuy nhiên anh không có thông tin về địa chỉ của chị T; Do đó để đảm bảo các điều kiện về mọi mặt của các con về sự ổn định môi trường sống, sự gắn bó, quan tâm, chăm sóc nuôi dưỡng cần giao cháu Lê Bá Phúc, Lê Bá Đức cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H đã được giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là để bảo vệ lợi ích hợp pháp của các con tuy nhiên anh H tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con; Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh H về nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên sau này nếu chị T yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Bá H.

- Về hôn nhân: Cho anh Lê Bá H được ly hôn chị Đặng Thị T.

- Về con: Công nhận cháu Lê Bá Phúc sinh ngày 14/12/2019 và cháu Lê Bá Đức, sinh ngày 24/5/2022 là con chung của anh Lê Bá H và chị Đặng Thị T. Giao cháu Lê Bá Phúc, Lê Bá Đức cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Đặng Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Anh Lê Bá H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo Biên lai thu số 0000761 ngày 18/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo:

Anh Lê Bá H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

Chị Đặng Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn trong hạn 01 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND Thị trấn Nông Công,
huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Lưu Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Dung